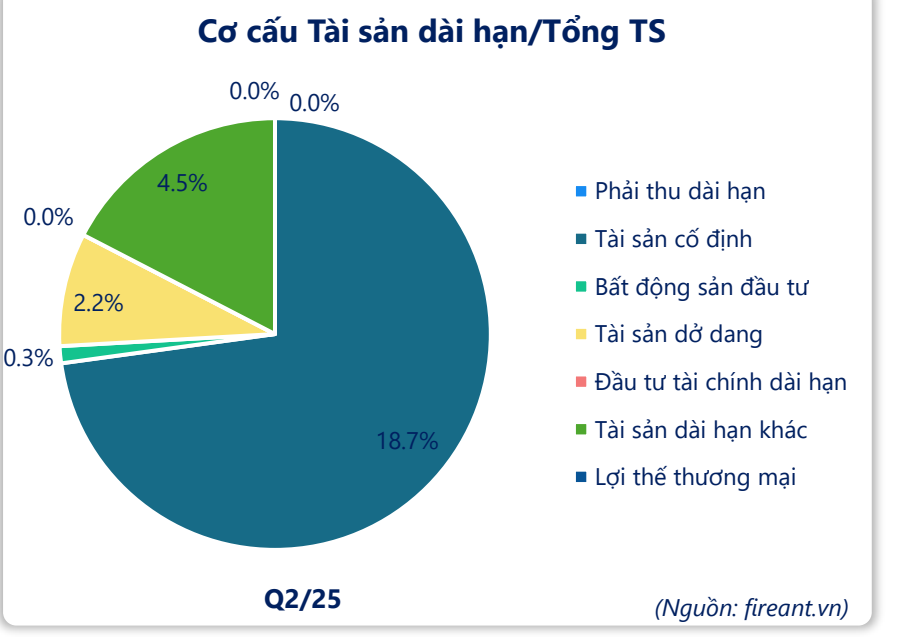
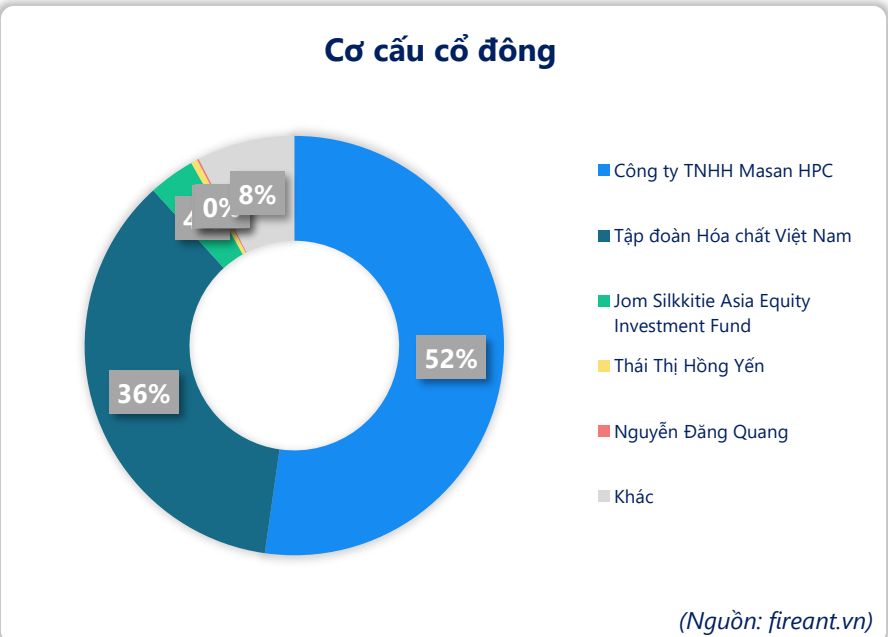
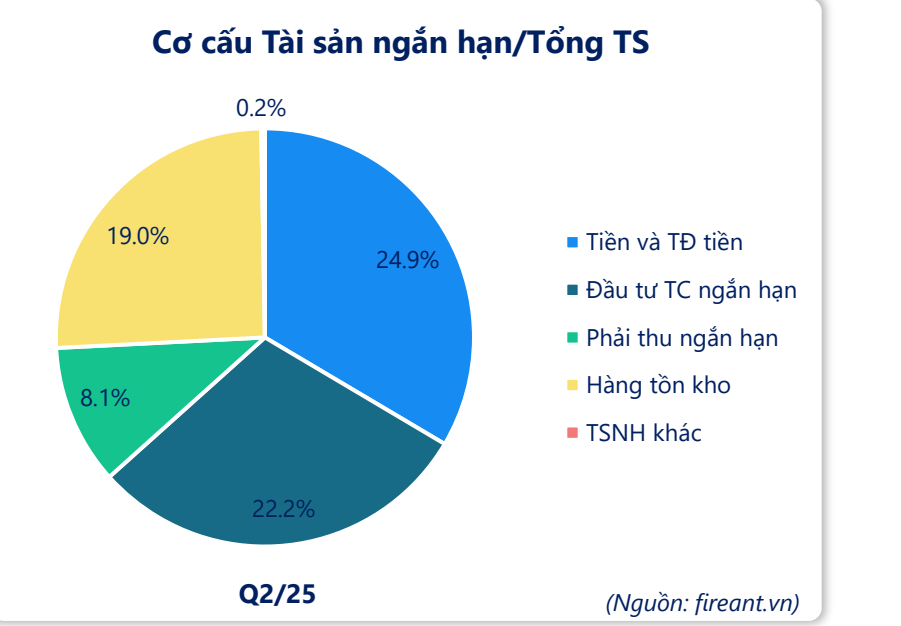
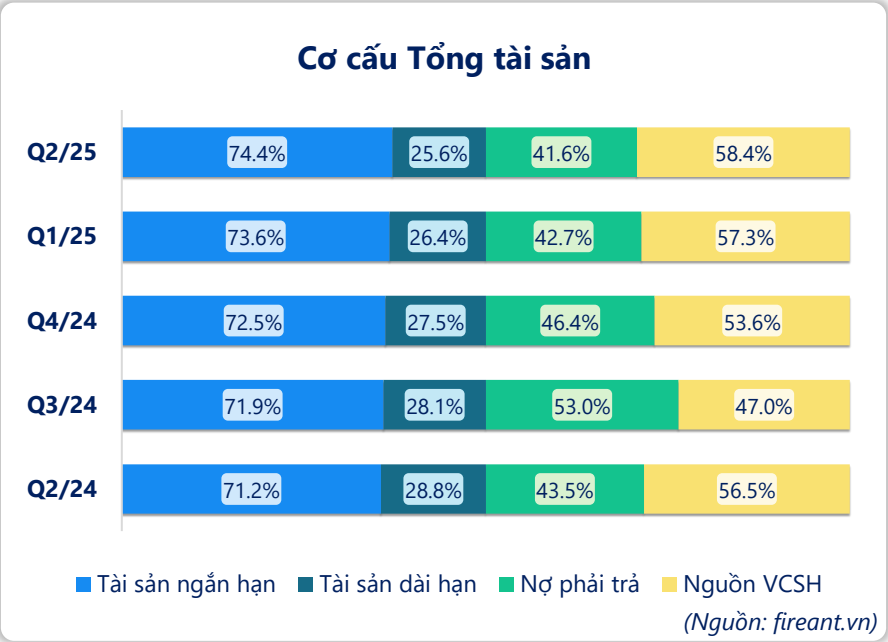
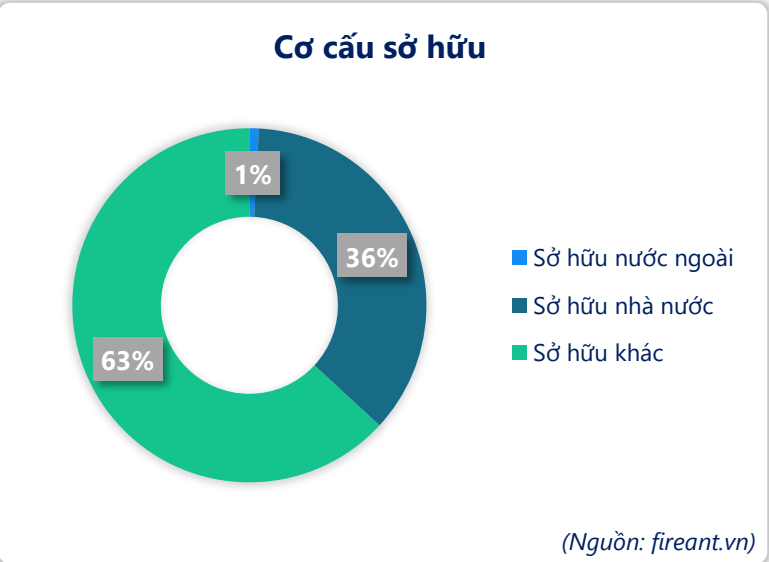
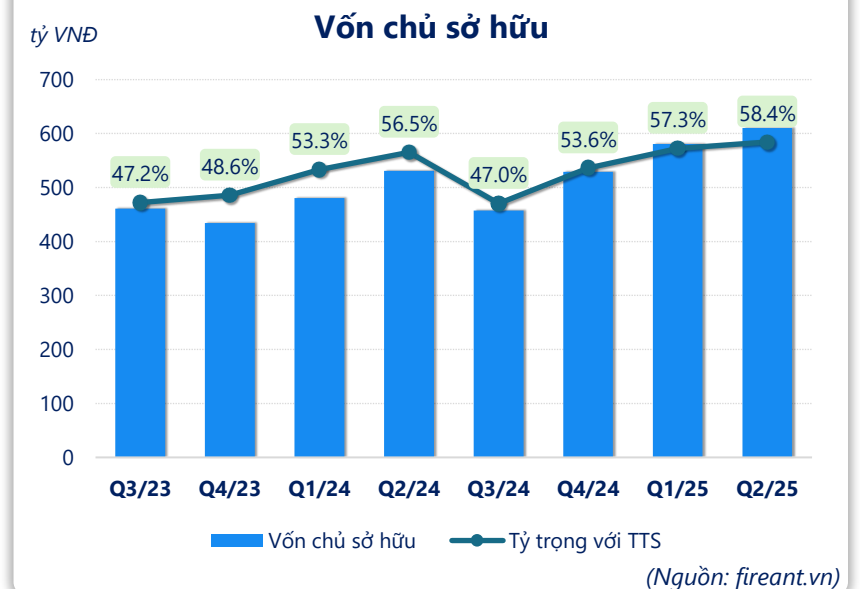
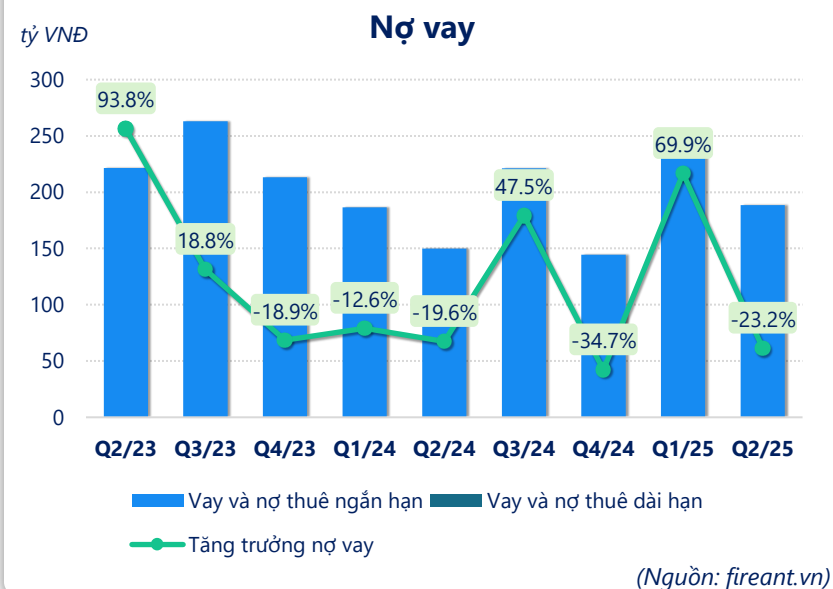
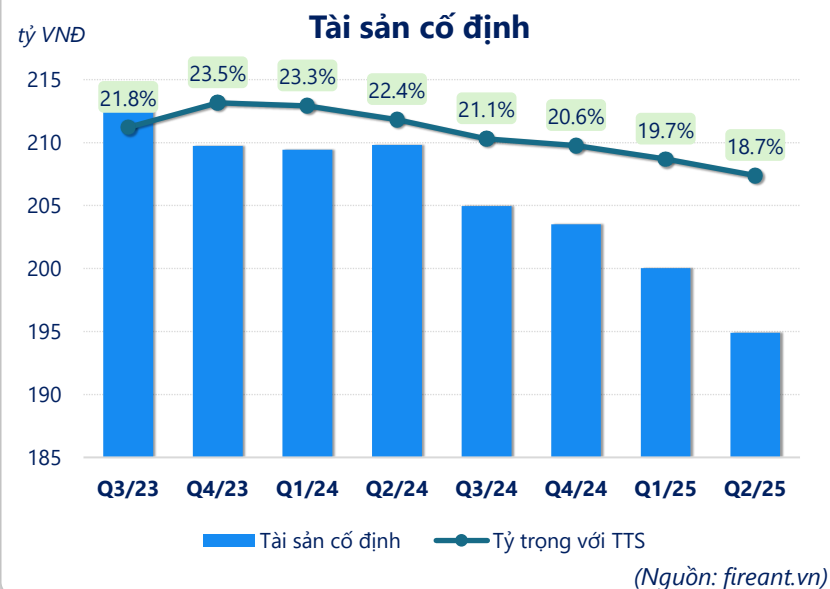
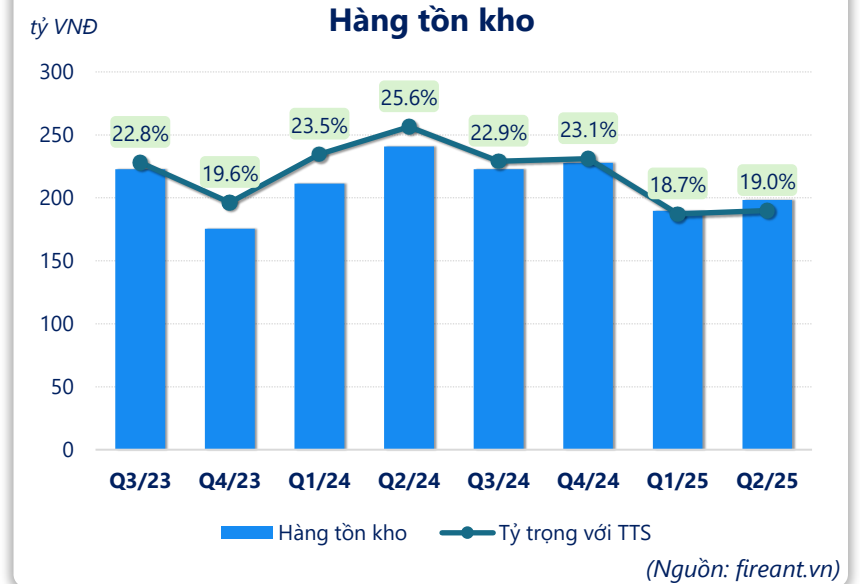
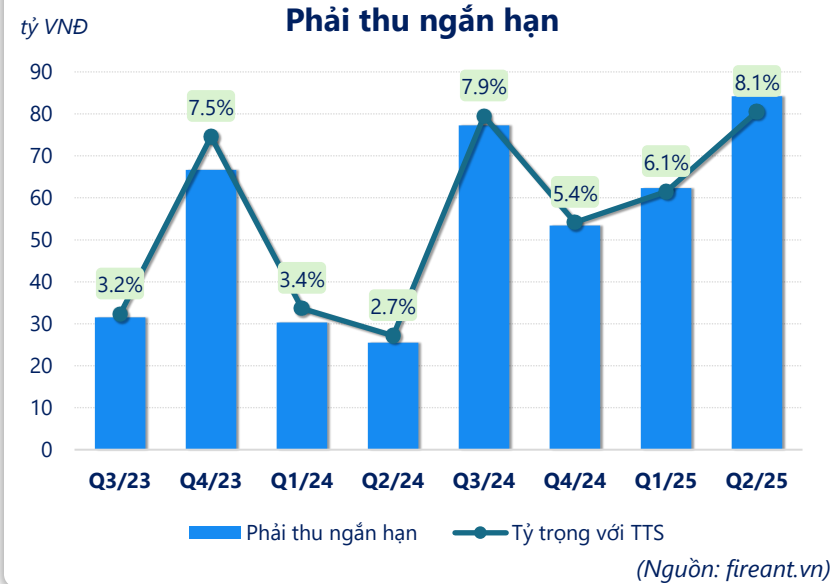
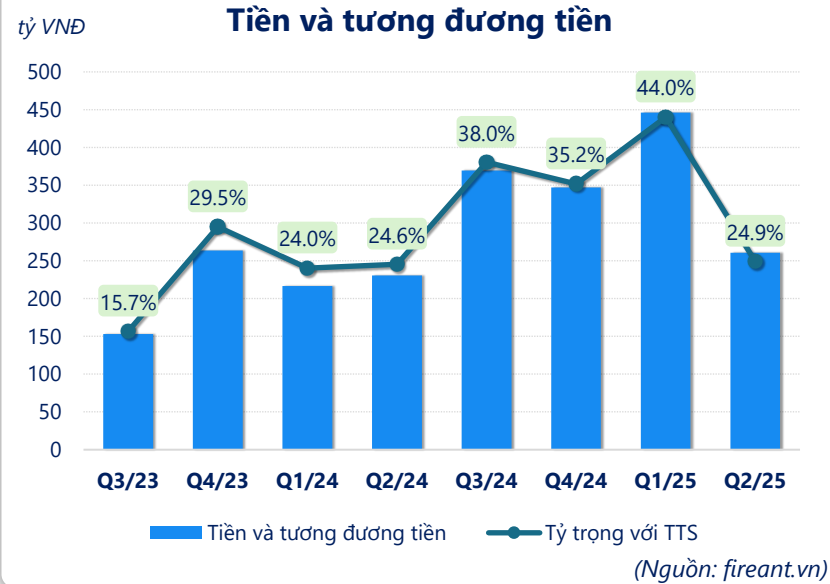
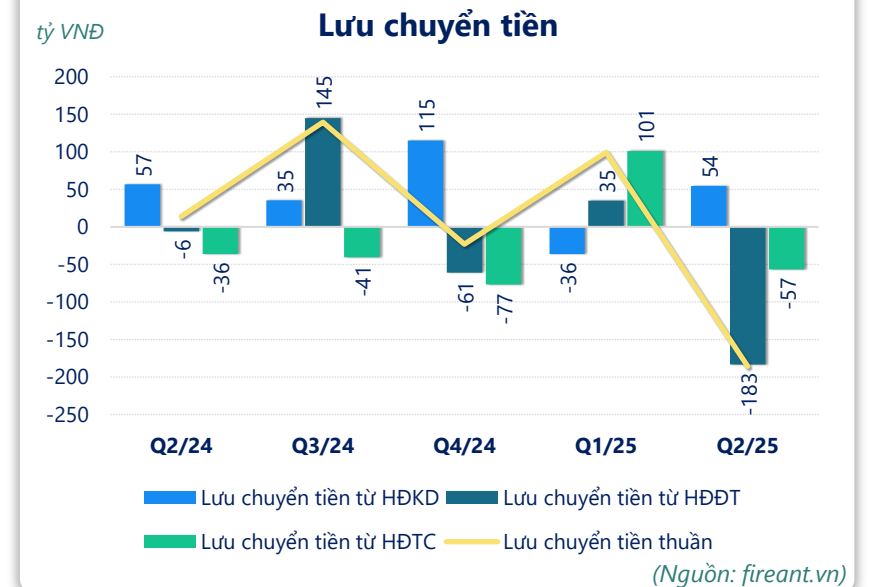
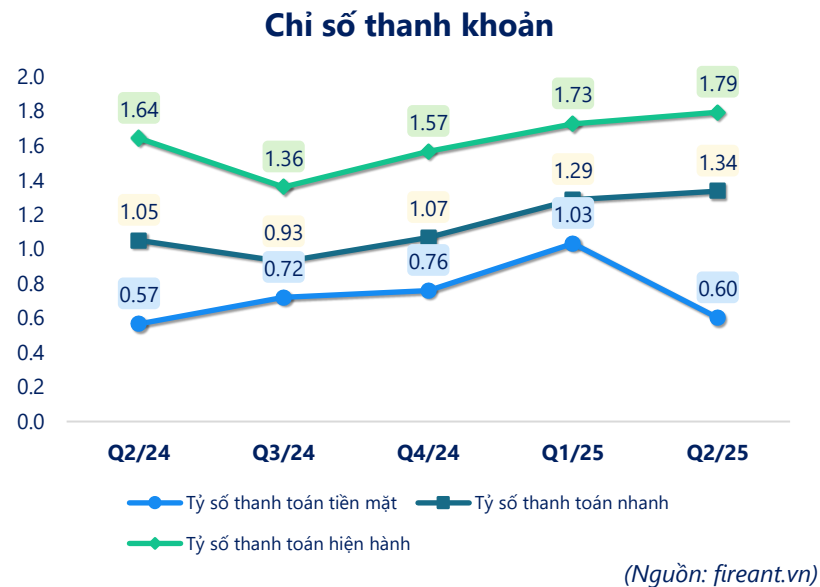
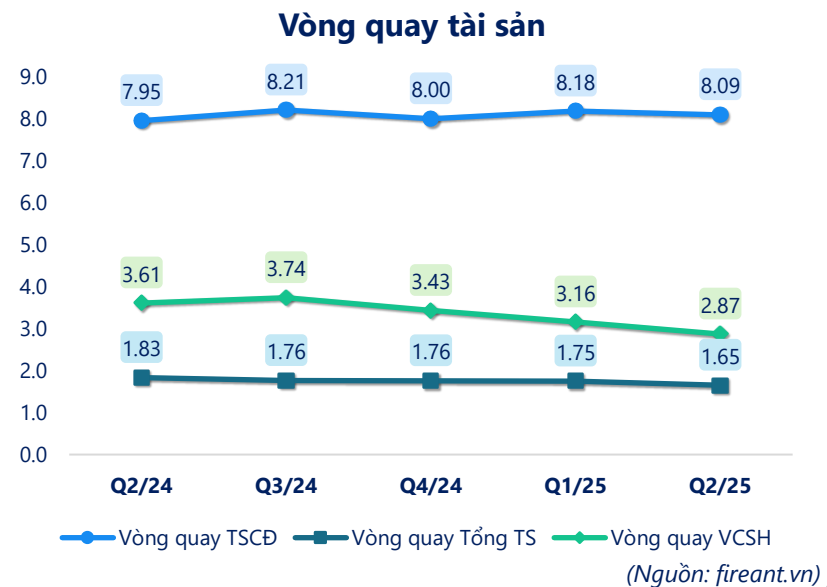
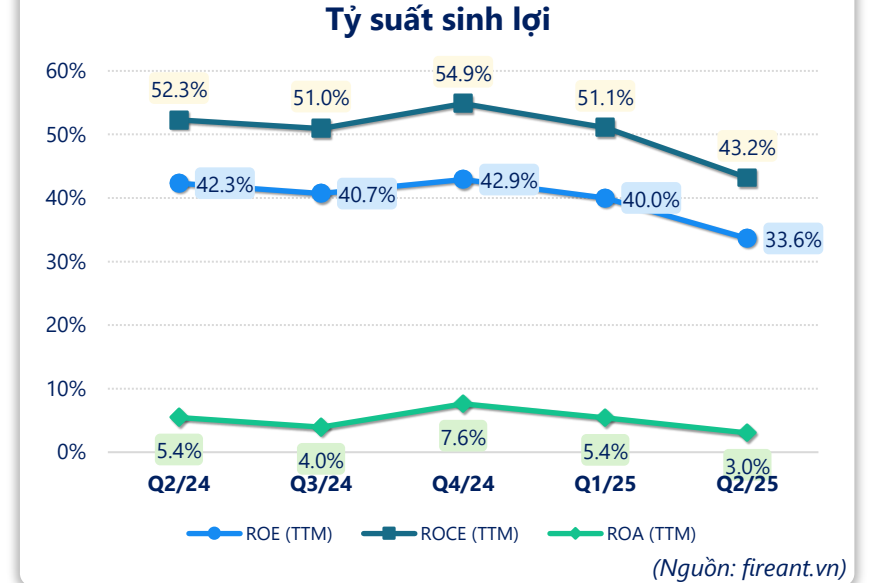
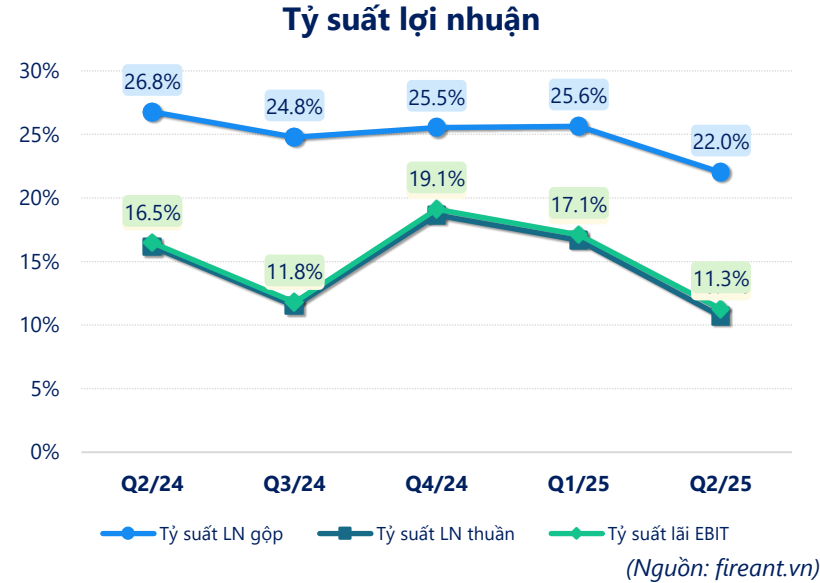
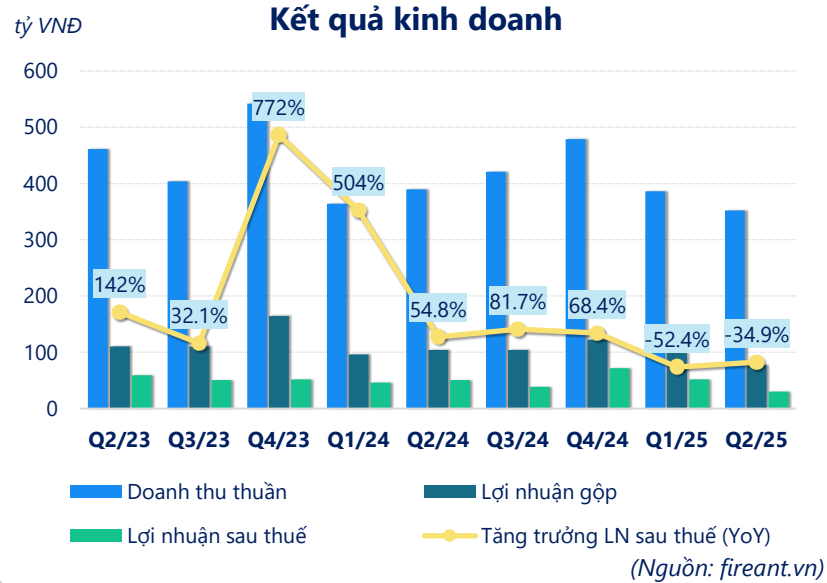


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		81,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		87,265
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		67,808
SL cổ phiếu LH		22,398,374
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,205
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,821
P/E		9.5
EPS		8,568

	YTD	1T	3T	6T
NET	14.3%	10.0%	5.1%	13.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,045	986	5.9%
Tài sản ngắn hạn	777	715	8.7%
Tiền và tương đương tiền	260	347	-24.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	232	85.1	173%
Phải thu ngắn hạn	84.2	53.4	57.6%
Hàng tồn kho	198	228	-13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.20	1.64	34.1%
Tài sản dài hạn	268	271	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	195	204	-4.2%
Bất động sản đầu tư	3.41	4.17	-18.3%
Tài sản dở dang	22.7	11.9	91.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	46.6	51.9	-10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	434	457	-5.1%
Nợ ngắn hạn	433	456	-5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	188	144	30.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	154	209	-26.4%
Nợ dài hạn	1.06	1.10	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	611	529	15.4%
Vốn chủ sở hữu	611	529	15.4%
Vốn điều lệ	224	224	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	389	421	479	386	352
Giá vốn hàng bán	285	316	357	287	275
Lợi nhuận gộp	104	104	122	99.0	77.5
Doanh thu HĐTC	4.15	4.87	5.28	4.94	5.94
Chi phí TC	3.01	2.32	3.57	2.30	2.81
Chi phí lãi vay	1.15	1.23	2.09	1.66	2.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.4	50.6	26.7	31.0	34.6
Chi phí QLDN	9.97	7.75	8.00	6.26	8.48
LN thuần từ HĐKD	63.0	48.4	89.4	64.4	37.6
Lợi nhuận khác	0.01	-0.02	0.09	0.04	0.00
LN trước thuế	63.0	48.4	89.4	64.4	37.6
Lợi nhuận sau thuế	50.4	38.7	71.6	51.5	30.1
LNST của CĐ cty mẹ	50.4	38.7	71.6	51.5	30.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.6	35.3	115	-36.3	54.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.07	145	-61.1	34.8	-183
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.4	-40.6	-77.0	101	-56.7
Tiền đầu kỳ	217	230	370	347	446
Lưu chuyển tiền thuần	14.1	139	-23.0	99.3	-186
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.22	-0.19	0.13	0.03	0.04
Tiền cuối kỳ	230	370	347	446	260

(Nguồn: fireant.vn)